



DOI:10.22144/ctujos.2024.451

## TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CÁCH THỨC LÀM GIẢM LAO ĐỘNG NÔNG NGHIỆP DƯ THỪA Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Phạm Hữu Thanh Nhã<sup>1,2\*</sup> và Đỗ Phú Trần Tình<sup>1</sup><sup>1</sup>Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh<sup>2</sup>Trường Đại học Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố Hồ Chí Minh

\*Tác giả liên hệ (Corresponding author): nhapht19701@sdh.uel.edu.vn

### Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 22/04/2024

Sửa bài (Revised): 05/08/2024

Duyệt đăng (Accepted): 08/10/2024

**Title:** Impact of ways to reduce excess surplus agricultural labour in the Mekong Delta

**Author(s):** Pham Huu Thanh Nha<sup>1,2\*</sup> and Do Phu Tran Tinh<sup>1</sup>

**Affiliation(s):** <sup>1</sup>University of Economics and Law, VNU-HCM; <sup>2</sup>Ho Chi Minh City University of Natural Resources and Environment

### TÓM TẮT

Bài báo này nhằm mục đích phân tích thực trạng và tác động của các cách thức làm giảm số lượng lao động nông nghiệp dư thừa ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Qua đó, bài báo làm sâu sắc thêm phân vận dụng lý thuyết về giải quyết lao động nông nghiệp dư thừa. Phương pháp chính được sử dụng trong bài báo là phân tích, tổng hợp và thống kê mô tả dựa vào số liệu thứ cấp của Tổng cục Thống kê giai đoạn 2011 – 2022. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng di cư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế có tác động làm giảm 1,7 triệu lao động, tương ứng 1/3 lực lượng lao động nông nghiệp vùng ĐBSCL. Tuy nhiên tác động này chủ yếu ở nhóm lao động trẻ. Còn lại, chính tăng trưởng của ngành nông nghiệp đã duy trì việc làm và sinh kế cho đa số lao động nông nghiệp, nhất là lao động nông nghiệp lớn tuổi. Thông qua kết quả nghiên cứu, bài báo đề xuất một số chính sách phù hợp nhằm đẩy nhanh việc giảm số lượng lao động nông nghiệp dư thừa ở ĐBSCL.

**Từ khóa:** Các cách thức, đồng bằng sông Cửu Long, lao động nông nghiệp dư thừa

### ABSTRACT

This article aims to analyse the current situation and impact of ways to reduce the number of surplus agricultural labour in the Mekong Delta. As a result, the article advances the theoretical application of solving surplus agricultural labour. The data used in this article is secondary data from the General Statistics Office, covering the years 2011–2022. The primary methods used in the article are analysis, synthesis, and descriptive statistics. According to research findings, migration and economic restructuring have reduced 1.7 million labour, accounting for one-third of the agricultural labour force in the Mekong Delta. However, this impact is most noticeable among young labour. For the most part, the growth of the agricultural sector has kept jobs and livelihoods for the majority of agricultural labour, particularly older agricultural labour. Based on research findings, the article proposes a number of appropriate policies to accelerate the reduction of surplus agricultural labour in the Mekong Delta.

**Keywords:** Ways, Mekong Delta, surplus agricultural labour

## 1. GIỚI THIỆU

Lao động nông nghiệp dư thừa là vấn đề nổi bật trong các lý thuyết phát triển kinh tế và được bàn luận từ những năm giữa của thế kỉ XX. A. Lewis đã mô tả lao động dư thừa trong nền kinh tế là "... dân số quá lớn so với tài nguyên thiên nhiên, đến mức có những khu vực lớn của nền kinh tế mà năng suất lao động cận biên không đáng kể, bằng không, hoặc thậm chí là âm (Lewis, 1954, tr.141). Theo đó, nếu một số lao động từ ngành nông nghiệp có thể được giải phóng mà không làm giảm tổng sản lượng nông nghiệp, phần này của lực lượng lao động là lao động dư thừa (Quyết, 2012). Khi xảy ra tình trạng lao động dư thừa, hiệu quả sử dụng lao động thấp và làm cho tình trạng kém phát triển của các quốc gia càng nghiêm trọng hơn. Vì vậy giải quyết tình trạng dư thừa lao động trong nông nghiệp là vấn đề ưu tiên của các nước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH-HDH).

Có nhiều cách thức làm giảm lao động nông nghiệp dư thừa. Theo lý thuyết phát triển kinh tế của Lewis (1954), cần đầu tư phát triển khu vực công nghiệp để thu hút lao động dư thừa từ khu vực nông nghiệp dịch chuyển sang. Trên nền tảng lý thuyết của Lewis, Rostow (1960) và Syrquin (1988) cho rằng không chỉ công nghiệp mới đóng góp vào quá trình giải phóng lao động nông nghiệp, mà quá trình này có thể chịu tác động từ sự phát triển của ngành dịch vụ. Do đó, phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại sẽ thu hút lao động dư thừa từ khu vực nông nghiệp. Các nghiên cứu của Matahir (2012), Gaspar et al. (2014), Minh và ctv. (2016), Lý và Đông (2017), Degu (2019) đã chứng minh rằng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế thay đổi theo hướng hiện đại sẽ làm thay đổi cơ cấu lao động giữa các ngành. Lao động của ngành nông nghiệp sẽ dịch chuyển sang các ngành phi nông nghiệp, góp phần làm giảm lao động dư thừa.

Lý thuyết của Lewis sau đó được Fei and Ranis (1964), Harris and Todaro (1970) bổ sung và phát triển qua lý thuyết di cư nông thôn – thành thị. Các tác giả này cho rằng quá trình công nghiệp hóa sẽ thu hút lực lượng lao động ở nông thôn di cư lên thành thị để tìm kiếm việc làm. Người di cư cân nhắc tất cả các cơ hội việc làm ở nông thôn và thành thị, rồi chọn cơ hội di cư nào có thể tối ưu hóa mức tiền công kỳ vọng của họ (Hùng, 2018). Tác động của việc này sẽ làm giảm số lượng lao động dư thừa của ngành nông nghiệp. Các nghiên cứu của Zu-hui et al. (2001), Trường (2022), Ma and Minami (2022),

Du et al. (2023) đã cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho lý thuyết di cư trên.

Ở một khía cạnh khác, Harry T. Oshima (1918-1998) đồng ý với Lewis về việc có dư thừa lao động trong nông nghiệp, nhưng đối với khu vực nông nghiệp lúa nước châu Á thì không phải lúc nào cũng xảy ra. Các nước Châu Á này thường thiếu lao động trong mùa vụ và thừa lao động trong lúc nông nhàn (Phùng, 2006). Từ đó, Oshima (1962) đưa ra quan điểm mới về tăng trưởng. Theo ông, sự tăng trưởng phải bắt đầu từ việc đầu tư cho nông nghiệp để thúc đẩy tăng trưởng nông nghiệp, phải giữ lại lao động nông nghiệp và tạo việc làm cho họ trong lúc nông nhàn bằng cách tăng vụ, đa dạng hóa cây trồng vật nuôi. Tiếp đến là đầu tư cho công nghiệp ở những ngành phục vụ nông nghiệp, sau đó đầu tư phát triển song song cả hai khu vực nông nghiệp và công nghiệp (Tuấn, 2022).

Các nghiên cứu của Điền và Sen (2019), Pham and Riedel (2019) chứng minh rằng khi tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ngành nông nghiệp càng lớn, tốc độ tăng trưởng cao thì quy mô tích lũy tái đầu tư, mở rộng sản xuất càng lớn, cầu lao động trong ngành càng tăng cho phép giải quyết được nhiều việc làm cho người lao động, qua đó làm giảm tình trạng thất nghiệp và đói nghèo.

Như vậy, theo các lý thuyết tăng trưởng kinh tế nói trên, những cách thức chính làm giảm số lượng lao động dư thừa trong nông nghiệp bao gồm chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, di cư và tăng trưởng của ngành nông nghiệp.

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng sản xuất nông nghiệp lớn nhất của Việt Nam. Hiện ĐBSCL đóng góp trên 33% GDP nông nghiệp cả nước và 30% GDP của vùng, đứng đầu cả nước về sản lượng lúa gạo, thủy sản và trái cây với 56% sản lượng lúa gạo, 98% sản lượng cá tra và 60% các loại trái cây, đồng thời chiếm 95% lượng gạo xuất khẩu và 60% lượng thủy sản xuất khẩu của cả nước (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2023). Để đẩy mạnh tăng trưởng của ngành nông nghiệp, nâng cao năng suất lao động nông nghiệp của vùng thì cần chú ý sử dụng hiệu quả lao động, giảm tình trạng lao động dư thừa. Tuy nhiên, trải qua gần 30 năm đẩy mạnh CNH-HDH (1996 – 2022), tỷ trọng lao động nông nghiệp của ĐBSCL có giảm nhưng còn chậm, đặc biệt là tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm luôn ở mức cao (Bảng 1). Vì vậy cần xem xét những nhân tố tác động làm giảm lao động nông nghiệp dư thừa ở ĐBSCL.

**Bảng 1. Biến đổi lao động nông nghiệp dư thừa ở ĐBSCL**

ĐVT: %

Năm	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng số lao động	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn	Tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực nông thôn
2011	51,7	2,35	5,09
2012	52,1	1,72	4,80
2013	49,8	2,00	5,57
2014	50,9	1,65	4,61
2015	49,3	2,42	3,32
2016	47,8	2,45	3,32
2017	44,9	2,37	3,60
2018	42,4	2,06	2,65
2019	40,5	2,41	2,52
2020	38,5	2,29	3,73
2021	40,3	3,38	4,14
2022	37,5	2,56	3,89

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2011-2022

Nghiên cứu về lao động nông nghiệp dư thừa vùng ĐBSCL ở góc độ vĩ mô thời gian qua chủ yếu là xác định các nhân tố mở rộng việc làm như cơ cấu giá trị ngành công nghiệp, tốc độ tăng trưởng GDP, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, số tàu đánh bắt hải sản xa bờ,... (Hô, 2020). Tạo và Dương (2021) tập trung phân tích những nhân tố cản trở cho giải quyết việc làm ở góc độ vĩ mô gồm biến đổi khí hậu, cách mạng 4.0,... Ở góc độ vi mô, nghiên cứu của Thủy (2012) chứng minh có tình trạng dư thừa lao động và chỉ ra những rào cản trong phân bố lao động của hộ gia đình như đặc tính nhân khẩu, nguồn nhân lực và nguồn lực địa phương. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu về tác động của các cách thức làm giảm lao động nông nghiệp dư thừa ở ĐBSCL, vì vậy bài viết này được thực hiện nhằm lấp đầy khoảng trống đó.

**2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Dữ liệu nghiên cứu: Bài viết chủ yếu sử dụng dữ liệu thứ cấp của cơ quan thống kê giai đoạn 2011 – 2022 được công bố trong các ấn phẩm thống kê. Bao gồm Niên giám thống kê quốc gia, Niên giám thống kê các tỉnh, thành phố ĐBSCL, Báo cáo Điều tra lao động việc làm, Kết quả chủ yếu điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình được công bố hàng năm và Kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản công bố định kỳ năm năm một lần của Tổng cục Thống kê năm 2006 - 2022. Các mục chính được sử dụng bao gồm lao động – việc làm, di cư, tài sản quốc gia. Ngoài ra, bài báo còn sử dụng kết quả khảo sát của các nghiên cứu khác có liên quan.

Trên cơ sở dữ liệu thứ cấp thu thập được, nghiên cứu này dùng phương pháp phân tích, tổng hợp để

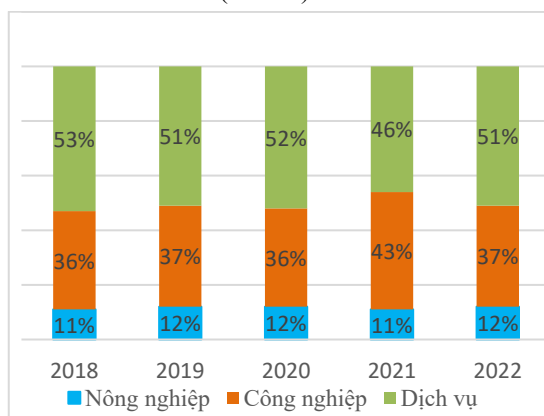
xây dựng cơ sở lý thuyết và đề xuất giải pháp. Đồng thời, kết hợp với phương pháp thống kê mô tả để phân tích thực trạng và tác động của các cách thức làm giảm lao động nông nghiệp dư thừa ở ĐBSCL.

**3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

**3.1. Kết quả**

*3.1.1. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế*

Trong giai đoạn 2018 – 2022, cả ba khu vực kinh tế của ĐBSCL đều nhận được vốn đầu tư, trong đó, nhiều nhất là ngành dịch vụ, công nghiệp và ít nhất là ngành nông nghiệp, chiếm khoảng 12% tổng vốn đầu tư của ĐBSCL (Hình 1).

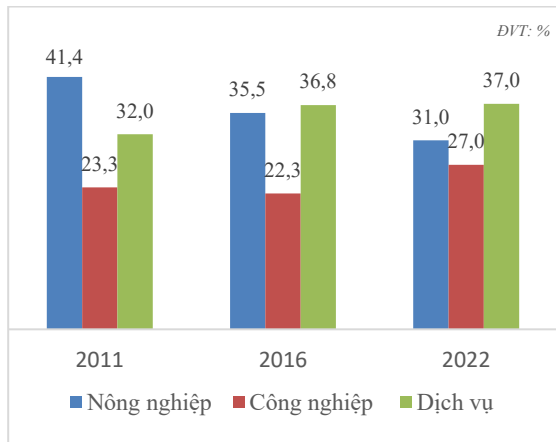


**Hình 1. Cơ cấu vốn đầu tư theo khu vực kinh tế ở ĐBSCL**

Nguồn: VCCI và Fulbright, 2023, tr.49

Kết quả của sự đầu tư này là làm dịch chuyển cơ cấu ngành kinh tế ở ĐBSCL theo hướng tăng ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm dần ngành nông

nh nghiệp, nhưng với tốc độ khá chậm, hơn 10 năm nhưng chỉ giảm được 10% (Hình 2).

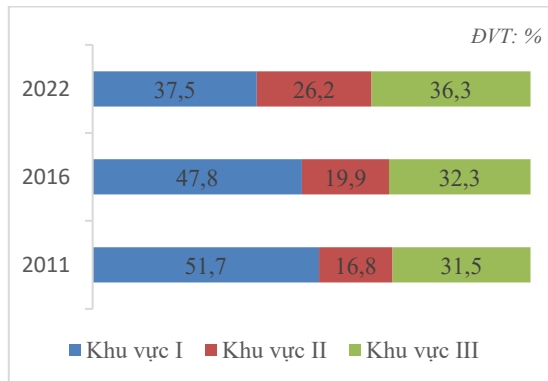


**Hình 2. Cơ cấu kinh tế ngành ở ĐBSCL (không bao gồm thuế và lệ phí)**

Nguồn: Tính toán từ Niên giám Thống kê các tỉnh, thành phố ĐBSCL năm 2011 - 2022

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã kéo theo sự dịch chuyển của cơ cấu lao động. Năm 2011, tỷ trọng lao động nông nghiệp của khu vực I chiếm tỉ lệ 51,7%, đến năm 2022 giảm còn 37,5% (Hình 3). Tương ứng

với số lượng từ 5,16 triệu xuống còn 3,5 triệu lao động nông nghiệp (Bảng 2).



**Hình 3. Cơ cấu lao động của ĐBSCL đang làm việc chia theo khu vực kinh tế**

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2011, 2016, 2022

Như vậy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại đã làm giảm số lượng tuyệt đối và tỷ trọng tương đối của lao động nông nghiệp. Tính chung, lao động nông nghiệp dư thừa được chuyển đi giai đoạn 2011 – 2022 là khoảng 1,7 triệu người, tương đương 1/3 số lao động nông nghiệp so với năm 2011.

**Bảng 2. Số lượng lao động của ĐBSCL có việc làm chia theo khu vực kinh tế**

Năm	Tổng số	DVT: nghìn người		
		Nông - Lâm - Thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
2011	9.979	5.159	1.676	3.143
2012	10.161	5.294	1.686	3.180
2013	10.099	5.029	1.716	3.352
2014	10.098	5.140	1.686	3.271
2015	10.072	4.965	1.873	3.233
2016	10.236	4.893	2.037	3.306
2017	10.320	4.634	2.198	3.488
2018	9.970	4.227	2.263	3.480
2019	9.832	3.461	2.360	4.011
2020	9.899	3.811	2.524	3.564
2021	9.020	3.635	2.246	3.139
2022	9.251	3.469	2.424	3.358

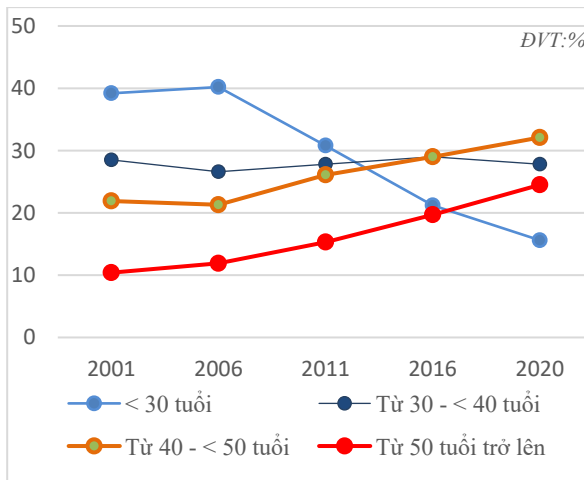
Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2011 - 2022 và Niên giám Thống kê năm 2011 - 2022

Ở đây có 2 vấn đề cần quan tâm:

*Thứ nhất: Dịch chuyển lao động nông nghiệp ở ĐBSCL diễn ra ở bộ phận lao động nào?*

Căn cứ vào cơ cấu lao động nông nghiệp phân theo nhóm tuổi thì nhóm tuổi dưới 30 giảm sút nhanh chóng, từ 40% năm 2001 xuống còn 15,6% năm 2020. Trong khi đó, số lượng lao động từ 30 – dưới 40 tuổi giảm chậm hơn. Ngược lại, tỷ lệ lao

động ở độ tuổi từ 40 trở lên có xu hướng ngày càng tăng, chiếm gần 60% tổng số lao động nông nghiệp. Đặc biệt ở nhóm tuổi từ 50 trở lên, từ 10% năm 2001 lên gần 25% năm 2020 (Hình 3). Theo kết quả khảo sát diện rộng 1.000 nông dân ở ĐBSCL của Thừa (2024), lao động nông nghiệp trẻ dưới 30 tuổi chỉ còn chiếm tỉ lệ 6%, từ 30 – 40 tuổi là 19%, lao động từ 40 tuổi trở lên tăng đến 75%, điều này thể hiện xu hướng già hóa của lao động nông nghiệp rất rõ.



**Hình 4. Chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp ĐBSCL phân theo nhóm tuổi**

Nguồn: Tổng hợp từ Kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2006, 2011, 2016 và Kết quả điều tra nông nghiệp, nông thôn giữa kỳ năm 2020

Thứ hai: Lao động nông nghiệp ĐBSCL thời gian qua dịch chuyển chủ yếu sang ngành nào?

Căn cứ vào sự thay đổi số lượng lao động giữa các ngành kinh tế của ĐBSCL giai đoạn 2011 – 2022 cho thấy lao động ngành nông nghiệp giảm dần từ 5,1 triệu xuống 3,5 triệu người, tức chuyển đi 1,7 triệu người. Trong khi ở ngành công nghiệp, số lượng lao động tăng đều đặn, chênh lệch năm 2022 so với 2011 là 0,75 triệu người. Số lượng lao động trong ngành dịch vụ thì gần như ổn định, đến năm 2022 chỉ tăng nhẹ 0,2 triệu người (Bảng 2). Như vậy, lao động dư thừa của ngành nông nghiệp dịch chuyển chủ yếu sang ngành công nghiệp và xây dựng, còn ngành dịch vụ chỉ mới thu hút một lượng nhỏ lao động dư thừa từ ngành nông nghiệp.

**3.1.2. Di cư nông thôn – thành thị**

Đồng bằng sông Cửu Long thời gian qua có số người xuất cư cao hơn số người nhập cư. Tỷ lệ xuất cư luôn duy trì ở mức cao. Tính chung, số lượng người đi cư rời khỏi khu vực ĐBSCL giai đoạn 2011 – 2022 là hơn 1,6 triệu người, lớn hơn dân số trung bình của một Tỉnh ĐBSCL (Bảng 3). Theo kết quả điều tra biến động dân số của Tổng cục Thống kê (GSO), khoảng 99,5% những người xuất cư khỏi ĐBSCL chọn điểm đến là Đông Nam Bộ, và nhóm người di cư cao nhất ở độ tuổi từ 20 - 29 (GSO, 2022).

**Bảng 3. Tình hình xuất, nhập cư ở ĐBSCL**

Năm	Xuất cư (Người)	Nhập cư (Người)	Tỷ lệ xuất cư (%)
2011	165.290	53.375	9,6
2012	112.142	25.879	6,5
2013	120.890	46.629	7,0
2014	153.701	37.994	8,9
2015	112.234	18.993	6,5
2016	98.448	18.999	5,7
2017	79.486	10.368	4,6
2018	117.509	17.281	6,8
2019	155.543	17.283	9,0
2020	204.359	20.782	11,8
2021	240.432	22.649	13,8
2022	90.647	24.405	5,2

Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám Thống kê năm 2011 - 2022

Như vậy, lao động nông nghiệp di cư chủ yếu ở nhóm lao động trẻ tuổi. Tác động của di cư đã làm dịch chuyển đáng kể lao động nông nghiệp dư thừa ở ĐBSCL.

**3.1.3. Tăng trưởng ngành nông nghiệp**

Xét giai đoạn 2011 - 2022, quy mô GDP của ngành nông nghiệp ngày càng tăng, tốc độ tăng trưởng luôn dương (Bảng 4). Tính chung, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của ngành nông nghiệp ĐBSCL trong giai đoạn 2011 - 2022 đạt 3,8%.

**Bảng 4. GDP thực tế (theo giá so sánh 2010) của ngành nông nghiệp ĐBSCL**

Năm	Tổng sản phẩm (tỷ đồng)	Tốc độ tăng trưởng GDP nông nghiệp (%)
2011	133.744,4	
2012	141.101,9	5,5
2013	157.611,7	11,7
2014	163.417,6	3,7
2015	163.797,0	0,2
2016	165.280,8	0,9
2017	171.258,7	3,6
2018	179.922,6	5,0
2019	186.399,1	3,6
2020	190.159,0	2,0
2021	195.435,7	2,8
2022	201.731,9	3,2

Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ Niên giám Thống kê các tỉnh, thành phố ĐBSCL năm 2011 - 2022

Với quy mô GDP của ngành nông nghiệp ĐBSCL ngày càng lớn, tốc độ tăng trưởng cao đã duy trì việc làm và sinh kế cho gần 70% lao động của ngành nông nghiệp so với năm 2011.

### 3.2. Thảo luận

Từ kết quả nghiên cứu cho phép rút ra những vấn đề sau đây:

*Thứ nhất:* Di cư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế đều có tác động làm dịch chuyển lao động dư thừa ở ĐBSCL ra khỏi khu vực nông nghiệp nhưng ở mức độ khác nhau.

Di cư tự phát với tỷ lệ cao là nhân tố làm dịch chuyển lao động nông nghiệp dư thừa nhiều nhất ở ĐBSCL. Điều này cho thấy khả năng hạn chế trong việc giải quyết việc làm tại chỗ của vùng.

Đồng thời, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở ĐBSCL chậm nên chưa tạo ra sự đột phá trong việc dịch chuyển lao động dư thừa tại chỗ của ngành nông nghiệp. Thời gian qua, các ngành công nghiệp được đầu tư lớn ở ĐBSCL là sản xuất phân phối điện, khí đốt, công nghiệp chế biến chế tạo, logistics,... (VCCI và Fulbright, 2023). Tuy nhiên, các ngành công nghiệp này chưa tạo ra sức hút lớn trong việc dịch chuyển lao động nông nghiệp dư thừa. Bên cạnh đó, ngành dịch vụ chỉ thu hút một lượng nhỏ lao động dư thừa từ ngành nông nghiệp, chứng tỏ trình độ phát triển kinh tế của ĐBSCL còn thấp.

*Thứ hai:* di cư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở ĐBSCL thời gian qua có tác động chủ yếu đến nhóm lao động nông nghiệp trẻ tuổi.

Nhóm lao động nông nghiệp dư thừa được dịch chuyển thời gian qua chủ yếu là nhóm lao động nông nghiệp trẻ tuổi. Trong khi đó, lao động nông nghiệp dư thừa ở nhóm lớn tuổi dịch chuyển không đáng kể. Điều này dẫn đến cơ cấu lao động nông nghiệp theo độ tuổi ngày càng bị già hóa.

*Thứ ba:* Quy mô và tăng trưởng của ngành nông nghiệp là nhân tố tác động lớn nhất trong việc duy trì việc làm và sinh kế cho lao động nông nghiệp, góp phần giảm lao động dư thừa. Sự gia tăng về quy mô và tốc độ tăng trưởng liên tục của ngành nông nghiệp thời gian qua đã giải quyết việc làm cho gần 70% số lượng lao động nông nghiệp còn lại, nhất là lao động nông nghiệp lớn tuổi.

### 4. KẾT LUẬN

Giải quyết lao động nông nghiệp dư thừa là nhiệm vụ trọng tâm của ĐBSCL trong quá trình CNH-HĐH. Các cách thức giải quyết lao động nông nghiệp dư thừa ở ĐBSCL đều có tác động làm giảm lao động nông nghiệp dư thừa, nhưng hiệu quả tác động của các cách thức này là khác nhau đối với các nhóm tuổi khác nhau. Thời gian qua, di cư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế là những nhân tố chính

có tác động dịch chuyển lao động nông nghiệp dư thừa ở ĐBSCL. Tuy nhiên, các nhân tố này có tác động chủ yếu đến nhóm lao động nông nghiệp trẻ. Còn lại phần lớn lao động nông nghiệp, nhất là nhóm lao động lớn tuổi thì lại ít có khả năng dịch chuyển tại chỗ sang các ngành phi nông nghiệp và cũng hạn chế di cư. Họ bám trụ vào nông nghiệp để tìm sinh kế. Thông qua kết quả nghiên cứu, bài viết đã làm sâu sắc thêm phần vận dụng lý thuyết về lao động nông nghiệp dư thừa vào thực tiễn ở ĐBSCL, chỉ rõ tác động của các cách thức làm giảm lao động nông nghiệp dư thừa lên các nhóm lao động nông nghiệp theo độ tuổi khác nhau.

Đồng thời, dựa vào kết quả nghiên cứu, đề nghị mạnh mẽ việc giảm lao động nông nghiệp dư thừa ở ĐBSCL cần thực hiện các chính sách sau:

*Thứ nhất:* Nhà nước cần tiếp tục tăng cường đầu tư hơn nữa cho nông nghiệp nhằm duy trì việc làm và sinh kế, nhất là cho bộ phận lao động nông nghiệp lớn tuổi. Họ đang là lực lượng chiếm số đông trong ngành nông nghiệp nói riêng và của nền kinh tế nói chung. Cần chú ý rằng khi ngành nông nghiệp tăng trưởng, sẽ không chỉ duy trì việc làm cho lao động nông nghiệp mà còn làm giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp. Bởi lẽ khi ngành nông nghiệp tăng trưởng sẽ kéo theo cầu việc làm trong các ngành công nghiệp, dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp như công nghiệp cơ khí, dịch vụ kinh doanh vật tư nông nghiệp,... Vì vậy, ta cần đầu tư hơn nữa cho ngành nông nghiệp cả vốn vật chất và vốn con người, nhằm khai thác tối đa nguồn lao động này.

*Thứ hai:* Hỗ trợ trong vấn đề di cư. Di cư tự phát ở ĐBSCL thời gian qua đã góp phần làm giảm lao động nông nghiệp dư thừa, chủ yếu ở nhóm lao động trẻ, do đó chính quyền các địa phương cần hỗ trợ lao động trẻ di cư tìm kiếm việc làm ở thành thị hoặc xuất khẩu lao động ra nước ngoài. Tuy nhiên, cũng cần tính đến khi số lao động này lớn tuổi, cơ hội bám trụ và tìm kiếm việc làm với mức thu nhập cao ở khu vực thành thị và nước ngoài đối với họ trở nên khó khăn, họ sẽ di cư trở về khu vực nông thôn. Vì vậy cần có chính sách hỗ trợ những người di cư trở về để họ có việc làm, phát huy hết khả năng của họ.

*Thứ ba:* Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế bằng các chính sách thu hút đầu tư tư nhân trong và ngoài vùng cho phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ của ĐBSCL. Chính sách cần tạo điều kiện thuận lợi cho tư nhân đầu tư, nhất là ưu đãi đầu tư vào các ngành nghề thu hút nhiều lao động, có giá trị kinh tế cao dựa vào lợi thế nông nghiệp của vùng. Đồng thời tăng cường giáo dục đào tạo để lao động

trẻ có trình độ tay nghề cao, đáp ứng được yêu cầu của ngành công nghiệp và dịch vụ.

*Thứ tư:* Cần hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả chính sách thúc đẩy khởi nghiệp gắn với đổi mới sáng tạo nhằm phát huy nội lực của chính người dân

và doanh nghiệp ĐBSCL. Vì vậy, chính quyền các cấp cần quan tâm, ươm mầm, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn. Qua đó, khơi dậy tiềm năng, thúc đẩy kinh tế phát triển, tạo thêm nhiều việc làm, góp phần làm giảm lao động nông nghiệp dư thừa ở ĐBSCL.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn. (2023). Xúc tiến đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. <https://mard.gov.vn/Pages/xuc-tien-dau-tu-va-nong-nghiep-nong-thon-vung-dong-bang-song-cuu-long.aspx>
- Cục Thống kê tỉnh An Giang. (2012 - 2023). *Niên giám Thống kê tỉnh An Giang năm 2011 - 2022*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Bạc Liêu. (2012 - 2023). *Niên giám Thống kê tỉnh Bạc Liêu năm 2011 - 2022*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Bến Tre. (2012 - 2023). *Niên giám Thống kê tỉnh Bến Tre năm 2011 - 2022*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Cà Mau. (2012 - 2023). *Niên giám Thống kê tỉnh Cà Mau năm 2011 - 2022*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục Thống kê Thành phố Cần Thơ. (2012 - 2023). *Niên giám Thống kê thành phố Cần Thơ năm 2011 - 2022*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp. (2012 - 2023). *Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Tháp năm 2011 - 2022*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Hậu Giang. (2012 - 2023). *Niên giám Thống kê tỉnh Hậu Giang năm 2011 - 2022*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Kiên Giang. (2012 - 2023). *Niên giám Thống kê tỉnh Kiên Giang năm 2011 - 2022*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Long An. (2012 - 2023). *Niên giám Thống kê tỉnh Long An năm 2011 - 2022*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng (2012 - 2023). *Niên giám Thống kê tỉnh Sóc Trăng năm 2011 - 2022*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang. (2012 - 2023). *Niên giám Thống kê tỉnh Tiền Giang năm 2011 - 2022*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh. (2012 - 2023). *Niên giám Thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2011 - 2022*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long. (2012 - 2023). *Niên giám Thống kê tỉnh Vĩnh Long năm 2011 - 2022*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Degu, A. A. (2019). The causal linkage between agriculture, industry and service sectors in Ethiopian economy. *American Journal of Theoretical and Applied Business*, 5(3), 59-76. <https://doi.org/10.11648/j.ajtab.20190503.13>
- Điền, N. V., & Sen, T. T. (2019). Tăng trưởng nông nghiệp với giảm nghèo ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học chính trị*, 9+10, 107 – 115.
- Du, Y., Zhao, Z., Liu, S., & Li, Z. (2023). The impact of agricultural labor migration on the Urban–Rural dual economic structure: The case of liaoning province, china. *Land*, 12(3), 622. <https://doi.org/10.3390/land12030622>
- Fei, J. C. H., & Ranis G. (1964). *Development of the labour Surplus Economy: Theory and Policy*. Illinois: Irwin, Homewood.
- Gaspar, J., Pina, G., & Simões, M. (2014). Agriculture in Portugal: Linkages with industry and services. *Revue d'Études en Agriculture et Environnement*, 95(4), 437-471. doi:10.4074/S1966960714014027
- Hồ, Đ. P. (2020). Mở rộng việc làm và hàm ý chính sách (Trường hợp nghiên cứu ở các tỉnh vùng duyên hải Việt Nam). *Tạp chí Công Thương online*. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/mo-rong-viec-lam-va-ham-y-chinh-sach-truong-hop-nghien-cuu-o-cac-tinh-vung-duyen-hai-viet-nam-68541.htm>
- Hùng, L. N. (2018). Các lý thuyết về di cư và vận dụng trong chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam. *Tạp chí Lý luận chính trị*, 8, 52-59.
- Harris, J. R., & Todaro, M. P. (1970). Migration, unemployment and development: a two-sector analysis. *The American economic review*, 60(1), 126-142.
- Lewis, W. A. (1954). Economic Development with Unlimited Supplies of Labor. *Manchester School of Economic and Social Studies*, 22, 139-191.
- Lý, P. T., & Đông, N. T. (2017). Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và việc làm ở Việt Nam: tiếp cận theo phương pháp nhân quả Granger. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 12(3), 26-37.
- Ma, X., & Minami, R. (2022). Dual Economic Structure, Surplus Labour and Rural-Urban Migration. In *Growth Mechanisms and Sustainable Development of the Chinese Economy: Comparison with Japanese Experiences* (pp. 249-277). Singapore: Springer

- Nature Singapore.  
[https://doi.org/10.1007/978-981-19-3858-0\\_9](https://doi.org/10.1007/978-981-19-3858-0_9)
- Matahir, H. (2012). The empirical investigation of the nexus between agricultural and industrial sectors in Malaysia. *International Journal of Business and Social Science*, 3(8), 225 -231.
- Minh, N. T., Đức, P. M., Hưng, L. N., Trọng, N. V. & Anh, L. T. (2016). Vai trò của công nghiệp - dịch vụ trong hiệu quả hoạt động nông nghiệp của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 224, 23-31.
- Oshima, H. T. (1962). The international comparison of size distribution of family incomes with special reference to Asia. *The Review of Economics and Statistics*, 44(4), 439-445.
- Pham, T. H., & Riedel, J. (2019). Impacts of the sectoral composition of growth on poverty reduction in Vietnam. *Journal of Economics and Development*, 21(2), 213-222.  
<https://doi.org/10.1108/JED-10-2019-0046>
- Phùng, V. T. N. (2006). *Giáo trình kinh tế phát triển*. Nhà xuất bản Lao động – xã hội.
- Quyết, P. Đ. (2012). Đo lường dư thừa lao động trong nông nghiệp – Tiếp cận của Thống kê Việt Nam. *Chuyên san thông tin Khoa học Thống kê*, 2, 1-7.
- Rostow, W. W. (1960). *The stages of economic growth: A non-communist manifesto*. Cambridge university press.
- Syrquin, M. (1988). Patterns of Structural Change. In: Chenery, H. and Srinivasan, T.N., Eds. *Handbook of Development Economics*, Elsevier, New York, 203-273.
- Tạo, T. X., & Dương, H. T. T. (2021). Vấn đề việc làm cho lao động nông thôn ở Đồng bằng sông Cửu Long: những nhân tố tác động và quan điểm, định hướng chính sách. *Tạp chí Thông tin Khoa học chính trị*, 1(22), 59-65.
- Thừa, H. K. (2024). *Nghiên cứu các mô hình liên kết kinh tế trong nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long* (luận án Tiến sĩ). Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM.  
<https://drive.google.com/file/d/1Rmy3yE9ffelIwIVqM2rzjQiew7ppPvTI/view?pli=1>
- Thùy, V. T. T. (2012). Dư thừa lao động và những trở ngại trong phân bố lao động tại khu vực nông thôn Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long. *Chuyên san thông tin Khoa học Thống kê*, 2, 28-34.
- Tổng cục Thống kê. (2008, 2014, 2018). *Kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2006, 2011, 2016*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Tổng cục Thống kê. (2021). *Kết quả điều tra nông nghiệp, nông thôn giữa kỳ năm 2020*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Tổng cục Thống kê. (2022). *Kết quả chủ yếu điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 1/4/2021*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Tổng cục Thống kê. (2012 -2023). *Niên giám Thống kê năm 2011 - 2022*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Tổng cục Thống kê. (2012 - 2023). *Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2011 - 2022*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Trường, Đ. V. (2022). Chuyển dịch cơ cấu lao động dưới tác động của quá trình di cư lao động. *Tạp chí Lý luận chính trị*, 4, 116-122.
- Tuấn, P. M. (2022). *Kinh tế phát triển*. Nhà xuất bản Xây dựng.
- VCCI & Fulbright. (2023). *Báo cáo kinh tế thường niên Đồng bằng sông Cửu Long năm 2023*. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.
- Zu-hui, H., Bo-xiang, L., & Xin-xin, C. (2001). Migration of surplus agricultural labor in the process of economic transition. *Journal of Zhejiang University-SCIENCE A*, 2, 220-226.  
<https://doi.org/10.1631/jzus.2001.0220>